TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 492/2024/HC-PT
Ngày: 28/8/2024
V/v: Khiếu kiện Quyết định cưỡng chế trong lĩnh vực trật tự xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 242/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định cưỡng chế trong lĩnh vực trật tự xây dựng"*, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8986/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự sau:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Kim Thị Y, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn An B2, Văn phòng Luật sư Nguyễn An B2 và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Chung cư X1, đường T1, phường Đ1, quận B3, thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Mạnh C, Phó Chủ tịch UBND huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Lường Văn V, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện M, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Duy K, Phó Giám đốc ban Quản lý dự án và PTQĐ huyện M, vắng mặt.

- Ông Hoàng Xuân T2, Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường huyện M, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị X2, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố X3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc B là chủ sở hữu hai thửa đất thương mại dịch vụ (đất chợ cũ) tại Tổ dân phố X3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên với tổng diện tích 50,07m^2, cụ thể: Ô quán số 39, dãy 5, diện tích 30,07m^2 có vị trí tiếp giáp: phía bắc giáp đường QL279, phía Nam giáp đất chợ (ô quán hộ gia đình ông Đặng Xuân U), phía Đông giáp đất chợ (lối đi vào chợ), phía Tây giáp đất chợ (ô quán hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thế H - Nguyễn Thị E). Ô quán số 11, dãy 01, diện tích 20m^2 có vị trí tiếp giáp: phía Bắc giáp đất chợ (ô quán hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn B4 - Nguyễn Thị M1), phía Nam giáp đất chợ (ô quán hộ gia đình ông Nguyễn Văn B4 - Nguyễn Thị M1), phía Đông giáp đất ở của hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn B4 - Nguyễn Thị M1, phía Tây giáp đất chợ (lối đi vào chợ).

Về nguồn gốc hai thửa đất: ngày 10/4/2000, ông B mua kiot số 39 dãy 5 tại chợ thị trấn M của bà Phan Thị H1 với giá 7.500.000 đồng, có xác nhận của UBND thị trấn. Sau khi mua ô quán, ông B sử dụng ô quán này vào mục đích vừa để ở vừa để kinh doanh hàng tạp hóa, đăng ký kinh doanh đứng tên Nguyễn Ngọc B. Thời gian đầu ông B vẫn nộp thuế môn bài nhưng khoảng 10 năm trở lại đây ô quán này dùng để ở nên ông B không nộp thuế môn bài nữa. Từ năm 2003 đến năm 2010, gia đình ông B vẫn nộp thuế nhà đất đối với ô quán này. Từ năm 2013 đến năm 2019 hằng năm ông có ký Hợp đồng thuê mặt bằng chợ với UBND thị trấn M đối với ô quán này.

Đối với ô quán số 11 dãy 1 tại chợ thị trấn M, ông B mua của ông Nguyễn Tiến Đ2 năm 2004 với giá 53.500.000 đồng nhưng hai bên không làm giấy tờ mua bán. Ông B đã trả tiền cho ông Đ2 và được UBND thị trấn M cấp Giấy chứng nhận số 11 ngày 10/8/2004 trên Giấy chứng nhận ghi rõ "nhà bán vĩnh cửu". Tại ô quán này, gia đình ông B có đăng ký kinh doanh đứng tên bà Nguyễn Thị X2, trên giấy tờ ghi kinh doanh mặt hàng thực phẩm công nghệ nhưng thực tế gia đình

ông B kinh doanh hàng ăn, mỹ phẩm sau đó chuyển sang bán hàng mã. Hàng năm, gia đình ông B vẫn nộp thuế môn bài đầy đủ cho đến năm 2019 thì không phải nộp nữa. Ông B thực hiện đóng thuế nhà đất đến năm 2010.

Ngày 08/9/2023, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 2950/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Ngọc B do đã có hành vi vi phạm hành chính "chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị" quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2919 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 25/09/2023, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 3211/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông B là "buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm".

Ngày 12/10/2023, UBND huyện M thực hiện cưỡng chế tháo dỡ tài sản, nhưng trước khi thực hiện việc cưỡng chế, gia đình ông B không được biết và cũng không nhận được thông báo hay Quyết định số 3211/QĐ-CCXP ngày 25/9/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của UBND huyện M, vì thời điểm đó ông B đang nằm viện điều trị, bà X2 từ chối nhận quyết định vì trên giấy tờ ghi tên ông B.

Tại buổi cưỡng chế, ông B có chứng kiến việc niêm phong tài sản của gia đình ông và ban cưỡng chế đã chuyển tài sản đến địa điểm khác để cất giữ, nhưng ông B không biết. Đến 16 giờ 19 phút ngày 30/10/2023, gia đình ông B nhận được Thông báo số 91 ngày 27/10/2023 của UBND huyện M về việc nhận lại tài sản đồ đạc. Ngày 01/11/2023, ban thực hiện cưỡng chế đã mở niêm phong và trả lại tài sản bị kê biên cho gia đình ông.

Ông B cho rằng, 02 ô quán ông mua bán hợp pháp được UBND thị trấn M chứng nhận ông đã góp tiền xây dựng để làm cơ sở cho việc sử dụng và kinh doanh, nên ông có quyền sử dụng đối với diện tích đất của 02 ô quán này; việc Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 3211/QĐ-CCXP ngày 25/09/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và tổ chức thực hiện cưỡng chế, phá dỡ 02 ô quán mà không thông báo cho gia đình ông biết là đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 3211/QĐ-CCXP ngày 25/09/2023 của Chủ tịch UBND huyện M.

Quá trình đối thoại tại Tòa án, ông B trình bày, hiện nay gia đình ông đang phải ở nhờ trong căn lán tạm bợ, gia đình ông không có đất ở, nhà ở nào khác tại thị trấn M nên ông đề nghị UBND huyện cấp cho gia đình ông 01 suất đất tái định cư hoặc giao 01 suất đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá; đồng thời, yêu cầu UBND huyện M phải bồi thường các tài sản bị thất thoát trong quá trình cưỡng chế cho gia đình ông là 700 triệu đồng.

Tại Văn bản số 721/BC-UBND ngày 27/11/2023 của UBND huyện M; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện người bị kiện trình

bày:

Năm 1992, UBND huyện T3 cấp 1.716m^2 đất cho thị trấn Nông trường M (nay là thị trấn M) để xây dựng chợ theo Quyết định số 64/QĐ-UB ngày 13/9/1992. Toàn bộ diện tích đất của 02 ô quán gia đình ông B quản lý, sử dụng 50,07m^2 là đất thuộc khuôn viên chợ cũ do UBND thị trấn M quản lý theo Quyết định số 64/QĐ-UB ngày 13/5/1992 của UBND huyện T3 về việc cấp đất cho xây dựng cơ bản.

Ông Nguyễn Ngọc B có thuê 2 ô quán tại chợ cũ thị trấn để kinh doanh là ô quán số 11 và ô quán số 39 (Ô quán số 11 thuộc giấy chứng nhận đã góp tiền xây dựng ô quán số 11/CN-UB ngày 18/8/2004, diện tích 4,8m x 5,2m, vị trí tiếp giáp, cụ thể: Phía Bắc giáp đường QL279, phía Nam giáp đất chợ (ô quán hộ gia đình ông Đặng Xuân U), phía Đông giáp đất chợ (lối đi vào chợ), phía Tây giáp đất chợ (ô quán hộ gia đình ông (bà): Nguyễn Thế H - Nguyễn Thị E) do ông Nguyễn Ngọc B mua lại của ông Nguyễn Tiến Đ2 năm 2004, ô quán ông Nguyễn Tiến Đ2 đăng ký thuê mặt bằng và đóng góp tiền xây dựng ô quán năm 1996, thời gian thuê là 12 năm tính từ tháng 10/1996 đến tháng 10/2008. Ô quán số 2 thuộc giấy chứng nhận đã góp tiền xây dựng ô quán số 39/CN-UB ngày 15/12/1997, diện tích 3,1m x 8,1m, vị trí tiếp giáp, cụ thể: Phía Bắc giáp đất chợ (ô quán hộ gia đình ông (bà): Nguyễn Văn B4 - Nguyễn Thị M1), phía Nam giáp đất chợ (ô quán hộ gia đình ông (bà): Nguyễn Văn B4 - Nguyễn Thị M1), phía Đông giáp đất ở hộ gia đình ông (bà): Nguyễn Văn B4 - Nguyễn Thị M1, phía Tây giáp đất chợ (lối đi vào chợ), thời gian thuê là 12 năm tính từ tháng 10/1996 đến tháng 10/2008. Trong thời gian 10 năm đầu hộ kinh doanh không phải nộp tiền thuê mặt bằng cho thị trấn M do đã đóng góp tiền xây dựng ô quán trên diện tích đất thuê tại chợ. Sau khi hết thời gian sử dụng tháng 10/2008 gia đình tiếp tục có hợp đồng thuê hàng năm với UBND thị trấn M để sử dụng kinh doanh tại chợ, hợp đồng thuê 2 ô quán cuối cùng theo hợp đồng số 17/HĐ-UBND, ngày 01/01/2019 giữa UBND thị trấn M và ông Nguyễn Ngọc B và hợp đồng số 20/HĐ-UBND ngày 01/01/2019 giữa UBND thị trấn M và bà Nguyễn Thị X2; Thời gian hợp đồng từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019. Hợp đồng thuê mặt bằng chợ hằng năm giữa gia đình ông Nguyễn Ngọc B và UBND thị trấn M tại khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng ghi rõ "Trong thời hạn hợp đồng đã hết hoặc còn thời hạn, nếu nhà nước giải phóng mặt bằng thì hộ gia đình có trách nhiệm trả lại toàn bộ mặt bằng cho nhà nước và được chính quyền UBND thị trấn thông báo trước 15 ngày; UBND thị trấn M không chịu trách nhiệm bồi thường mọi đầu tư, chi phí của bên thuê khi thời gian hợp đồng đã hết". Hết thời gian thực hiện hợp đồng là ngày 31/12/2019.

Thực hiện Kế hoạch di chuyển chợ thị trấn M theo Kế hoạch số 114a/KH-UBND ngày 10/7/2020 của UBND huyện M về việc Di chuyển Chợ trung tâm thị trấn M (chợ cũ) sang Chợ trung tâm huyện M (chợ mới), UBND thị trấn không ký hợp đồng thuê ô quán với ông Nguyễn Ngọc B nữa mà ban hành thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/10/2020 của UBND thị trấn M thông báo thời gian Di chuyển Chợ trung tâm thị trấn M (chợ cũ) sang Chợ trung tâm huyện M (chợ

mới); Thông báo số 56/TB-UBND ngày 10/11/2020 về việc yêu cầu các hộ kinh doanh tự tháo dỡ tài sản, công trình trên đất thuê làm ô quán kinh doanh tại chợ trung tâm thị trấn M (chợ cũ); Thông báo số 71/UBND ngày 06/7/2022 của UBND thị trấn M, yêu cầu tự tháo dỡ, hoàn trả mặt bằng đối với tài sản, công trình trên đất thuê làm ô quán kinh doanh tại chợ cũ thị trấn M (lần cuối cùng). Hết thời gian thực hiện thông báo (ngày 10/7/2022), ông Nguyễn Ngọc B không chấp hành việc tháo dỡ, bàn giao mặt bằng kiot chợ cho UBND thị trấn theo quy định. Do đó, UBND thị trấn đã tiến hành lập Biên bản làm việc ngày 12/7/2022; Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB -VPHC lập ngày 13/7/2022 do đã có hành vi vi phạm hành chính "chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị" theo quy định tại Khoản 5, Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (ông Nguyễn Ngọc B không ký biên bản).

Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, do hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 2950/QĐ-KPHQ ngày 08/9/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Ngọc B, đồng thời bàn giao quyết định này cho ông Nguyễn Ngọc B nhưng gia đình ông B không ký nhận; UBND thị trấn M đã 02 lần tuyên truyền, vận động ông B chấp hành Quyết định số 2950/QĐ-KPHQ nhưng ông B vẫn không chấp hành và cũng không ký các Biên bản vận động.

Hết thời hạn ghi trong Quyết định 2950/QĐ-KPHQ, gia đình ông B không chấp hành nên ngày 25/9/2023 Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 3211/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Ngọc B; quyết định này đã được giao cho ông Nguyễn Ngọc B nhưng gia đình ông B không ký nhận.

Ngày 26/9/2023 UBND huyện thành lập Ban cưỡng chế. sau đó ban hành Thông báo số 82/TB-CC ngày 06/10/2023 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Ngọc B và giao thông báo cho gia đình ông B nhưng ông B không ký biên bản giao nhận. Ban Cưỡng chế đã tổ chức 02 lần tuyên truyền, vận động nhưng gia đình ông B không chấp hành và không ký biên bản vận động.

Ngày 12/10/2023, Ban thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đã tiến hành tuyên truyền vận động lần cuối trước khi phát lệnh cưỡng chế theo kế hoạch, nhưng ông Nguyễn Ngọc B vẫn không chấp hành việc tự thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nên lực lượng thực hiện cưỡng chế đã tiến hành kiểm tra hiện trạng tài sản, kê biên tài sản, niêm phong tài sản bị cưỡng chế. Toàn bộ tài sản của gia đình ông Nguyễn Ngọc B trong khu vực cưỡng chế được kiểm kê, niêm phong và vận chuyển đến điểm trường mầm non H2 tại Tổ dân phố X4, thị trấn M, huyện M. UBND huyện cũng đã bố trí nơi ở tạm cho gia đình ông Nguyễn Ngọc B tại điểm trường Mầm non H2 - tổ dân phố X4, thị trấn M trong thời gian 06 tháng để gia đình ông

Nguyễn Ngọc B tìm chỗ ở mới.

Ngày 01/11/2023, ông Nguyễn Ngọc B đã đến nhận tài sản, Ban thực hiện cưỡng chế đã tiến hành mở niêm phong tài sản và trả lại tài sản kê biên; ông B đã chứng kiến, ký nhận việc mở niêm phong và nhận lại đủ tài sản đã kê biên.

Quá trình đối thoại tại Tòa án, đại diện người bị kiện cho rằng, việc ban hành Quyết định số số 3211/QĐ-CCXP ngày 25/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện M là hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu; cán bộ, công chức của UBND huyện M đã nhiều lần đến gia đình ông B để giao văn bản nhưng ông B cố tình không nhận; việc thu giữ, niêm phong tài sản cưỡng chế đã được UBND huyện M lập thành biên bản và được ghi hình có âm thanh nên toàn bộ tài sản đồ đạc của gia đình ông B hoàn toàn không bị thất thoát nên không đồng ý bồi thường như ý kiến của ông B.

Gia đình ông Nguyễn Ngọc B không thuộc diện được cấp đất tái định cư, tuy nhiên, gia đình ông B có hoàn cảnh khó khăn, tuổi cao, không còn nơi ở nào khác tại thị trấn M nên nếu gia đình có nhu cầu thì phải làm đơn đề nghị để UBND huyện xem xét việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất nhưng không thông qua hình thức đấu giá đối với gia đình ông B. Việc giao đất có thu tiền phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của UBND thị trấn M và được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt; giá trị tiền sử dụng đất phải nộp trong trường hợp này theo quy định của UBND tỉnh Điện Biên trên cơ sở vị trí đất được giao.

Quá trình thực hiện quy trình cưỡng chế với gia đình ông B, UBND huyện đã tiến hành tuyên truyền, vận động, gặp gỡ, trao đổi rất nhiều lần nhưng ông B không hợp tác, không chấp hành. Vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2024 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị X2 trình bày:

Bà X2 và ông Nguyễn Ngọc B kết hôn tháng 5/1989, nhưng không đăng ký mà chỉ làm đám cưới và có với nhau 03 con chung Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1990), Nguyễn Thị H4 (sinh năm 1994) và Nguyễn Thị Thùy L (sinh năm 1998). Mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng bà X2 khẳng định quan hệ giữa hai người là vợ chồng, được thể hiện trên Giấy khai sinh của các con, các giấy tờ về nhân khẩu, hộ khẩu do chính quyền địa phương quản lý và Đăng ký định danh cá nhân trên cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư.

Năm 2000 và năm 2004, ông B mua 02 kiot ở chợ thị trấn M để kinh doanh, gồm: ki ốt số 39 mua năm 2000 của cô H1 và kiot số 11 mua tháng 8/2004 của ông Nguyễn Tiến Đ2. Bà X2 và ông B sử dụng 02 kiot này vừa làm nơi ở vừa cùng nhau bán hàng, 01 kiot bán tạp hóa, 01 kiot bán quần áo. Sau này kiot bán quần áo không bán được hàng nên sử dụng làm nơi ở. Doanh thu từ 02 kiot được sử dụng vào việc chi trả cuộc sống gia đình và nuôi con ăn học. 02 Kiot nêu trên là tài sản riêng của ông B, vì khi lấy ông B, bà không có tài sản gì, quá trình chung sống bà làm chỉ đủ tiền nuôi con chứ không đóng góp được gì.

Việc kinh doanh tại chợ thị trấn M, bà X2 đăng ký kinh doanh tại kiot số 11 để bán lẻ hàng mã, đăng ký kinh doanh và thuế môn bài đều đứng tên Nguyễn Thị X2, kiot số 39 để sinh hoạt gia đình nên không đăng ký kinh doanh. Hàng năm, bà vẫn nộp thuế môn bài đầy đủ. Đến năm 2019, ban quản lý chợ thu tiền thuê 02 kiot, bà H1 đã nộp cho Ban quản lý chợ thị trấn M tiền thuê 02 kiot là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/năm. Bà X2 công nhận bà có ký Hợp đồng thuê mặt bằng chợ với UBND thị trấn M các năm 2010, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019.

Việc UBND huyện M thực hiện việc giải phóng mặt bằng để chuyển chợ sang địa điểm mới, gia đình ông bà có được biết về chủ trương này, ông B đã được nhận thông báo của UBND huyện M về việc tháo dỡ kiot do cán bộ UBND huyện đến đưa, nhưng ông B cho rằng 02 kiot là do ông B đã nhận chuyển nhượng từ bà H1, ông Đ2 là nhà bán vĩnh cửu nên không đồng ý tháo dỡ. Sau đó, UBND huyện M tiến hành cưỡng chế tháo dỡ và chuyển toàn bộ đồ đạc, tài sản của gia đình ông bà đến Trường Mầm non H2 thị trấn M; sau 20 ngày gia đình ông bà được nhận lại đồ đạc, tài sản.

Việc UBND huyện M thực hiện cưỡng chế tháo dỡ nhưng không giao thông báo và quyết định cưỡng chế cho gia đình biết. Sau khi phá dỡ xong, khoảng 5 giờ chiều cùng ngày gia đình ông bà mới được nhận Quyết định số 3211/QĐ-CCXP ngày 25/9/2023.

Đến nay, 02 kiot tại chợ thị trấn M cũ của gia đình ông bà đã bị phá dỡ toàn bộ. Gia đình ông bà đang thuê nhà của bà Phí Thị H5 tại khối Y1, thị trấn M để ở. Bà X2 cũng đã thuê 01 ô kiot tại chợ mới để kinh doanh, thời hạn ký hợp đồng thuê là 05 năm, tiền thuê nộp theo tháng là 253.000 đồng.

Hiện nay ông B đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên yêu cầu hủy Quyết định số 3211/QĐ-CCXP ngày 25/9/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, bà X2 không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại văn bản ngày 18/12/2023, ông Nguyễn Tiến Đ2 trình bày:

Năm 1996, gia đình ông Đ2 có đóng góp tiền xây dựng ô quán (bán vĩnh cửu) trên khuôn viên đất chợ thị trấn M quản lý và được UBND thị trấn M cấp giấy chứng nhận sử dụng và kinh doanh tại ô quán số 11 thuộc dãy 01. Đến năm 2004 do không có nhu cầu sử dụng và kinh doanh tại chợ thị trấn M (chợ cũ) nên ông Đ2 đã chuyển nhượng quyền sử dụng và kinh doanh ô quán trên lại cho ông Nguyễn Ngọc B và ông B được UBND thị trấn M cấp Giấy chứng nhận số 11/CN-UB ngày 18/8/2004. Về các nội dung: loại nhà, vị trí địa điểm ô quán, thời gian sử dụng thực hiện theo Giấy chứng nhận số 11/CN-UB ngày 18/8/2004 của UBND thị trấn M cấp.

Tại văn bản ngày 20/02/2024, bà Phan Thị H1 trình bày:

Gia đình bà H1 không có mối quan hệ họ hàng hay thân thiết với gia đình ông Nguyễn Ngọc B và bà Nguyễn Thị X2 ở huyện M, tỉnh Điện Biên. Nhiều

năm trước đây gia đình bà H1 mua 01 ô quán ki ốt tại chợ thị trấn M để kinh doanh; đến tháng 4/2000, do không có nhu cầu kinh doanh tại chợ thị trấn (chợ cũ) nên bà H1 đã chuyển nhượng lại ô quán ki ốt và quyền kinh doanh tại chợ cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc B, bà Nguyễn Thị X2 với giá 7.500.000 đồng; hai bên đã thanh toán đầy đủ cho nhau không còn liên quan gì về ô quán này nữa. Bà H1 khẳng định việc chuyển nhượng ô quán số 39, dãy 5 tại Chợ thị trấn M cho vợ chồng ông B là chuyển nhượng vị trí và địa điểm kinh doanh, chứ không chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông B, vì đất chợ do Nhà nước quản lý, không phải đất cấp cho bà H1. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 23/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, Điều 204, khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 28; điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 58, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65; Điều 66, Điều 70, Điều 85, Điều 86, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 87, Điều 88 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Điều 118 Luật xây dựng năm 2014;

Căn cứ Điều 474 và Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 17, Điều 20, điểm c khoản 1 Điều 56, khoản 7 Điều 170, điểm a khoản 2 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 3; điểm b khoản 5 Điều 15; khoản 3 Điều 79 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;

Căn cứ các Điều 33, 34, 35 Nghị định số: 166/2013/NĐ-CP ngày 22/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Biểu mẫu số 10 và biểu mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 4 Điều 4, điểm b khoản 4 Điều 6 Thông tư số: 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B về việc huỷ Quyết định số: 3211/QĐ-CCXP ngày 25/9/2023 Chủ tịch UBND huyện M về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B về việc buộc ông Tạ Mạnh C, Ban thực hiện cưỡng chế và UBND huyện M phải bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi vi phạm của người thi hành công vụ gây ra với số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

2. Quyết định hành chính và hành vi hành chính có liên quan là: Quyết định số: 2950/QĐ-KPHQ ngày 08/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện M buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Hành vi cưỡng chế ngày 12/10/2023 của Ban thực hiện cưỡng chế UBND huyện M là hợp pháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/5/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Ngọc B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông Nguyễn Ngọc B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng việc Chủ tịch UBND huyện M buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế đối với ông B là không bảo đảm về trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã khẳng định việc ban hành các quyết định hành chính của người bị kiện là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục; nội dung quyết định hành chính là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 01/5/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Ngọc B có đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên là hợp lệ và trong thời hạn nên được xem xét theo quy định.

[2] Về đối tượng và thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/10/2023, ông Nguyễn Ngọc B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3211/QĐ-CCXP ngày 25/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc

phục hậu quả là quyết định hành chính về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Quyết định số 2950/QĐ-KPHQ ngày 08/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là quyết định có liên quan; hành vi cưỡng chế xuất phát từ quyết định cưỡng chế; yêu cầu bồi thường xuất phát từ hành vi cưỡng chế và có mối liên hệ với nhau nên được xem xét trong cùng vụ án theo quy định Điều 193 và Điều 7 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc B:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Thực hiện kế hoạch di chuyển chợ thị trấn M của UBND huyện, UBND thị trấn không tiếp tục ký hợp đồng thuê ô quán với ông Nguyễn Ngọc B, bà Nguyễn Thị X2 và các hộ kinh doanh tại chợ và ban hành thông báo di chuyển Chợ trung tâm thị trấn M (chợ cũ) sang Chợ trung tâm huyện M (chợ mới); đồng thời nhiều lần thông báo yêu cầu các hộ kinh doanh tự tháo dỡ tài sản, công trình trên đất thuê làm ô quán kinh doanh tại chợ cũ, hoàn trả mặt bằng. Tuy nhiên, sau khi hết thời gian thực hiện ghi trên thông báo ông Nguyễn Ngọc B không chấp hành việc tháo dỡ, bàn giao mặt bằng kiot chợ, nên ngày 13/7/2022 UBND thị trấn đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông B do đã có hành vi "chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị" theo quy định tại Khoản 5, Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do hành vi chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị của ông B đã kết thúc từ thời điểm hết thời hạn ghi trên hợp đồng thuê mặt bằng là ngày 31/12/2019 và UBND thị trấn M đã ban hành thông báo về việc di chuyển chợ, nhưng đến tháng 7/2022 hành vi vi phạm mới bị lập biên bản, nên tính từ ngày hành vi vi phạm kết thúc đến ngày ra quyết định đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (02 năm) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính, nên việc Chủ tịch UBND huyện M không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (tháo dỡ công trình xây dựng, trả lại đất đã lấn chiếm) là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Do gia đình ông B không tự nguyện thực hiện việc tháo dỡ công trình xây dựng và di chuyển tài sản sang địa điểm chợ mới theo quy định tại Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính, nên Chủ tịch UBND huyện M ra quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Việc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2950/QĐ-KPHQ ngày 08/9/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 3211/QĐ-CCXP ngày 25/9/2023 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là căn cứ vào

Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC của UBND thị trấn M lập ngày 13/7/2022, Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 01/BB-XM lập ngày 23/8/2023 của Tổ công tác liên ngành theo quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND huyện M, Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 85, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm Hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; phù hợp với biểu mẫu số 10 và biểu mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Việc ông Nguyễn Ngọc B và bà Nguyễn Thị X2 cho rằng không nhận được thông báo, quyết định cưỡng chế; thành phần cưỡng chế không đúng quy định, nhưng theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì tại các biên bản giao nhận do cán bộ UBND thị trấn M cung cấp và xác nhận của ông Nguyễn Văn B4, Tổ trưởng Tổ dân phố X, thị trấn M cung cấp thể hiện quá trình thực hiện kế hoạch di chuyển chợ, gia đình ông B không chấp hành và từ chối nhận các văn bản, tài liệu, không ký nhận vào biên bản; UBND thị trấn và Tổ dân phố đã thực hiện tuyên truyền, vận động nhiều lần nhưng gia đình ông B không chấp hành; quyết định, thông báo về việc cưỡng chế đã được niêm yết công khai tại nơi cư trú và tại trụ sở chính quyền theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, tại Biên bản số 01/BB-CCXP ngày 12/10/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, có đầy đủ thành phần tham gia theo Quyết định số 3213/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thành lập ban thực hiện cưỡng chế; việc tháo dỡ công trình, di chuyển tài sản của gia đình ông B là theo đúng Kế hoạch số 243/HK-BCC ngày 06/10/2023 của Ban thực hiện cưỡng chế về tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Như vậy, việc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện M ban hành các quyết định hành chính là bảo đảm về trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được người khởi kiện thừa nhận thì ngày 10/4/2000, ông B mua của bà Phan Thị H1 kiot số 39, dãy 5 tại chợ thị trấn M (chợ cũ) với giá 7.500.000 đồng, diện tích 30,07m^2 có Giấy chứng nhận đã góp tiền xây dựng ô quán số 39/CN-UB ngày 15/12/1997. Sau khi mua ô quán này, ông B sử dụng vào mục đích vừa để ở vừa để kinh doanh hàng tạp hóa, đăng ký kinh doanh đứng tên Nguyễn Ngọc B và trong khoảng 10 năm ô quán này dùng để ở nên ông B không nộp thuế môn bài, nhưng từ năm 2013 đến năm 2019 hằng năm ông B có ký hợp đồng thuê mặt bằng chợ với UBND thị trấn M đối với ô quán này. Năm 2004, ông Nguyễn Ngọc B mua của ông Nguyễn Tiến

Đ2 ô quán số 11, dãy 01 tại chợ thị trấn M (chợ cũ), diện tích 20m^2 do ông Nguyễn Tiến Đ2 đăng ký thuê mặt bằng và đóng góp tiền xây dựng ô quán từ năm 1996, thời gian thuê là 12 năm tính từ tháng 10/1996 đến tháng 10/2008 và đã được cấp Giấy chứng nhận đã góp tiền xây dựng ô quán số 11/CN-UB ngày 18/8/2004. Tại ô quán này, gia đình ông B có đăng ký kinh doanh đứng tên bà Nguyễn Thị X2, nộp thuế môn bài đầy đủ cho đến năm 2019 thì không phải nộp nữa. Sau khi hết thời hạn miễn tiền thuê ô quán thì trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2019 hàng năm bà X2 vẫn ký Hợp đồng thuê mặt bằng chợ với UBND thị trấn M đối với ô quán này. Như vậy, ông Nguyễn Tiến Đ2 và bà Phan Thị H1 chỉ là người thuê mặt bằng chợ của thị trấn M để kinh doanh, không được nhà nước cấp quyền sử dụng đối với diện tích đất xây dựng ô quán; các hộ gia đình có nhu cầu kinh doanh thì đóng góp tiền xây dựng gian hàng (ô quán) và được UBND huyện miễn thuế trong thời hạn 10 năm; ông B mua 02 ki ốt (02 ô quán) của ông Đ2 và bà H1 tại chợ thị trấn M (cũ) là với mục đích để kinh doanh và làm nơi sinh hoạt của cả gia đình và việc mua bán này chỉ là chuyển nhượng quyền sử dụng địa điểm, vị trí kinh doanh tại chợ, không phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Theo Quyết định số 64/QĐ-UB ngày 13/5/1992 của UBND huyện T3 thì UBND huyện T3 cấp khu đất thuộc thị trấn Nông trường M cho thị trấn Nông trường M để xây dựng chợ mới với tổng diện tích 1.716m^2. Trong đó, diện tích 50,07m^2 đất tại 02 ô quán của gia đình ông B quản lý, sử dụng đều thuộc phạm vi đất chợ cũ do UBND thị trấn M quản lý theo quyết định này. Đồng thời, từ năm 2010 đến năm 2019, hàng năm gia đình ông B, bà X2 vẫn ký hợp đồng thuê mặt bằng chợ với UBND thị trấn M, trong đó hợp đồng thuê hai ô quán cuối cùng là Hợp đồng số 17/HĐ-UBND ngày 01/01/2019 giữa UBND thị trấn M và ông Nguyễn Ngọc B và Hợp đồng số 20/HĐ-UBND ngày 01/01/2019 giữa UBND thị trấn M và bà Nguyễn Thị X2, với thời gian hợp đồng từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019; nội dung các hợp đồng này cũng như các hợp đồng trước đó đều thể hiện tại khoản 2 Điều 3 "Trong thời hạn hợp đồng đã hết hoặc còn thời hạn, nếu nhà nước giải phóng mặt bằng thì hộ gia đình có trách nhiệm trả lại toàn bộ mặt bằng cho nhà nước và được chính quyền UBND thị trấn thông báo trước 15 ngày; UBND thị trấn M không chịu trách nhiệm bồi thường mọi đầu tư, chi phí của bên thuê khi thời gian hợp đồng đã hết". Như vậy, toàn bộ diện tích đất chợ là thuộc quyền quản lý của thị trấn Nông trường M (nay là thị trấn M), việc gia đình ông B được sử dụng diện tích đất tại 02 ô quán nêu trên là thông qua hợp đồng thuê mặt bằng chợ với UBND thị trấn M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến trình bày của ông B về việc ông có quyền sử dụng đối với diện tích đất xây dựng hai ô quán nói trên là có căn cứ.

[3.2.2] Về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và vấn đề bồi thường: Từ các quy định và phân tích trên thấy rằng, ông Nguyễn Ngọc B tự ý sử dụng đất thương mại dịch vụ mà không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai. Do đó, Chủ tịch UBND huyện M ban hành quyết định

buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện cưỡng chế đã có biên bản làm việc trước khi cưỡng chế, bao gồm: Ban thực hiện cưỡng chế đã vận động, thuyết phục hộ gia đình ông B tự nguyện tháo dỡ công trình, vật kiến trúc và di chuyển tài sản nhưng gia đình không chấp hành (BL 221-223), nên Ban thực hiện cưỡng chế đã lập Biên bản kiểm tra hiện trạng trước khi tiến hành cưỡng chế (BL 224-226); lập Biên bản kê biên tài sản để thi hành quyết định cưỡng chế (BL 231-247); giao bảo quản tài sản kê biên (BL 248-250); niêm phong tài sản sau khi đưa đến nơi bảo quản (BL 251-253); tiến hành phá dỡ công trình, vật kiến trúc (có biên bản cưỡng chế BL 227-230); lập Biên bản số 02/BB-KTHT ngày 12/10/2023 về việc kiểm tra hiện trạng sau khi cưỡng chế (BL 254-256); tiến hành bàn giao mặt bằng đất sau khi thi hành quyết định cưỡng chế (BL 257-258). Đồng thời, toàn bộ tài sản của gia đình ông Nguyễn Ngọc B trong khu vực cưỡng chế được kiểm kê, niêm phong và vận chuyển đến điểm trường mầm non H2 tại Tổ dân phố X4, thị trấn M, huyện M; bố trí nơi ở tạm cho gia đình ông Nguyễn Ngọc B tại điểm trường Mầm non H2 trong thời gian 06 tháng để gia đình ông tìm chỗ ở mới. Ngày 01/11/2023, Ban thực hiện cưỡng chế đã tiến hành mở niêm phong nơi bảo quản tài sản và bàn giao đầy đủ cho gia đình ông B, các tài sản ông B nhận hoàn toàn phù hợp với tài sản bị kê biên, niêm phong tại buổi cưỡng chế (BL 263-277). Quá trình cưỡng chế tháo dỡ tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất và di chuyển vật liệu, tài sản của gia đình ông Nguyễn Ngọc B đều được UBND huyện thực hiện ghi hình, ghi âm và cung cấp cho Tòa án (BL 399).

Như vậy, theo quy định tại Điều 118 Luật xây dựng 2014 và khoản 4 Điều 4 Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ xây dựng thì việc UBND huyện M thực hiện cưỡng chế ngày 12/10/2023 là đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông B, bà X2 về việc xem xét lại hành vi cưỡng chế và đòi bồi thường là có căn cứ.

[3.3] Từ những nhận định trên, xét thấy việc Chủ tịch UBND huyện M ban hành các quyết định hành chính và thực hiện các quyết định hành chính đó là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không phát sinh thêm tình tiết mới, nên không có cơ sở để xem xét cho kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc B. Do đó, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí: Do ông Nguyễn Ngọc B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc B, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc B được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng

CÁC THẨM PHÁN

Võ Hồng Sơn **Phan Thị Vân Hương**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng